

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020.

V/v tranh chấp về nuôi con chung  
của nam, nữ sống chung với nhau  
như vợ chồng mà không đăng ký  
kết hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Bích Thơ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ngô Văn Khon

2. Ông Phạm Văn Liệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Nguyễn Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp về nuôi con chung của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48a/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Hồng B, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Hoàng M, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 19..;

Nơi cư trú: Số 293, ấp Ba, xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 02 không có lý do, người làm chứng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2020, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;*

*Nguyên đơn chị Võ Hồng B trình bày:* Chị B và anh M tự nguyện tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình hai bên, tổ chức đám cưới năm 2002 và không có đăng



ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2004 xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống do anh M ăn chơi, cờ bạc, nợ nần không quan tâm gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân. Sau khi ly thân thì anh M có đến thăm con, nhưng đến khoảng tháng 10/2017 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn nên không đến thăm nữa. Về con chung có 01 người con tên Nguyễn Hồng U, sinh ngày 01/8/2003, về tài sản chung và nợ chung không có.

Nay chị Võ Hồng B yêu cầu: Ly hôn với anh M, con chung yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hồng U, không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh M không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của chị B, cũng như tham dự phiên họp hòa giải và phiên tòa 02 lần nên tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh M về yêu cầu khởi kiện của chị B.

Tại phiên tòa chị B trình bày: Chị B và anh M không có tìm hiểu trước, do gia đình mai mối, chị tự nguyện kết hôn với anh M không có ai ép buộc, tổ chức đám cưới năm 2002, nhưng không có đăng ký kết hôn do anh M không chịu đi đăng ký. Sau khi cưới anh chị sống chung với gia đình cha mẹ của anh M được 06 tháng, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh M tham gia tệ nạn xã hội, thường hay đánh đập, chị nhiều lần bỏ nhà đi, anh M có đến năn nỉ hàn gắn và chị đồng ý trở về sống chung. Thời gian sau, chị B phát hiện anh M sử dụng ma túy và ly thân từ năm 2017 đến nay, không có liên hệ hay hàn gắn tình cảm với anh M. Hiện nay chị B làm nghề may tại nhà, sống chung với cha mẹ ruột, thu nhập mỗi tháng được vài triệu, đủ nuôi sống và cho con ăn học. Nay chị B yêu cầu ly hôn với anh M, yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hồng U, không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình như không đến tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho mình là thiếu sót vi phạm vào Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Hồng B và anh Nguyễn Hoàng M. Về con chung chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị B, tiếp tục giao cháu Nguyễn Hồng U, sinh ngày 01/8/2003 cho chị B nuôi dưỡng đến



trưởng thành, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị B không có yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

#### [1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh M, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị B và anh M không có đăng ký kết hôn, nay chị B yêu cầu ly hôn với anh M, yêu cầu nuôi con, nên phát sinh tranh chấp về nuôi con của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay anh M vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét thấy anh M đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng anh M vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho ông Nguyễn Văn G là cha ruột của anh M nhận thay và cam kết giao lại cho anh M. Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2020, ông G khai có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án về việc yêu cầu ly hôn của chị B và có giao lại cho anh M biết, nhưng anh M không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### [2] Về nội dung:

[2.1.] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị B và anh M là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định, nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Trong thời gian chung sống chị B và anh M phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng ý kiến, quan điểm sống không phù hợp, anh M dính vào tệ nạn xã hội như đánh bài, đá gà, cá độ, hút ma túy, không quan tâm chăm sóc gia đình và vợ



con, đã ly thân từ năm 2017 đến nay nhưng không hàn gắn được. Tại phiên tòa chị B cương quyết ly hôn với anh M, do chị B và anh M chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Nên không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh M là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về con chung: Chị B và anh M có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hồng U, sinh ngày 01/8/2003, hiện đang sống chung với chị B, chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu U, không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con. Căn cứ bản khai ngày 06/8/2020 của cháu U có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị B, để chị B nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho cháu U có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, không gây ảnh hưởng về mặt tâm lý cho cháu khi cha mẹ ly hôn, ổn định việc học, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn và phù hợp với nguyện vọng của cháu U.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị B giao cháu Nguyễn Hồng U, sinh ngày 01/8/2003 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị B không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu U không ai được cản trở.

[2.3.] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4.] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí:

Nguyên đơn chị Võ Hồng B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:



1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Hồng B và anh Nguyễn Hoàng M.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Võ Hồng B đối với anh Nguyễn Hoàng M.

Giao cháu Nguyễn Hồng U, sinh ngày 01/8/2003 cho chị Võ Hồng B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hoàng M không phải cấp dưỡng cho cháu Hồng U do chị Hồng B không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hoàng M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Hoàng M không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Võ Hồng B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Nguyễn Hoàng M.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Hồng B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019-0002031 ngày 06/7/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị B không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2020). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng Thông tin Điện tử Tòa án;
- UBND xã A, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lý Thị Bích Thor**